


VĂN BẢN 3. CỬU LONG GIANG TA ƠI (1 tiết)

(Trích, Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động – Trước khi đọc

Mục tiêu:

- Trau dồi những hiểu biết cơ bản về sông Cửu Long qua việc quan sát bản đồ, xem clip,...
- Khởi gợi hứng thú của học sinh để tiếp nhận bài học.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>– Hướng dẫn HS quan sát bản đồ.</p>  <p>– Cho HS xem clip giới thiệu sông Cửu Long. (https://youtu.be/GxJ7yHX0Y44)</p> <p>– Yêu cầu HS nêu hiểu biết về sông Mê Kông, sông Cửu Long.</p> <p>– GV dẫn dắt vào bài.</p>	<p>– HS nhận diện sông Mê Kông, sông Cửu Long trên bản đồ.</p> <p>– HS xem clip.</p> <p>– HS nêu:</p> <p>+ Tên sông.</p> <p>+ Đặc điểm cơ bản của sông Mê Kông, sông Cửu Long.</p>	<p>– Xác định được dòng chảy của sông trên bản đồ.</p> <p>– Nêu được một số hiểu biết về:</p> <p>+ Tên sông Cửu Long: Trong nhiều thời kì, dòng sông có 9 cửa chính chảy ra biển Đông nên được gọi là <i>sông Cửu Long</i>, tức “sông chín rồng”. Các tên gọi khác: sông Cái, sông Lớn.</p> <p>+ Đặc điểm cơ bản về sông Mê Kông (dựa vào chú giải 3, chân trang 119), sông Cửu Long (dựa vào thông tin trong clip).</p>

HOẠT ĐỘNG 2: Đọc văn bản

Mục tiêu:

- Đọc đúng ngữ điệu phù hợp với nhịp điệu và nội dung bài.
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó và nắm được một số thông tin khoa học, lịch sử liên quan đến sông Cửu Long.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>1. Đọc văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> Cho HS xác định thể thơ, ngữ điệu đọc. GV hướng dẫn ngữ điệu đọc từng đoạn. GV cho HS đọc nối tiếp đoạn. 	<ul style="list-style-type: none"> HS phát biểu ý kiến về thể thơ, nêu cách đọc, ngữ điệu đọc. HS theo dõi, lắng nghe. Một số HS đọc lại theo đúng ngữ điệu. Các HS khác theo dõi ngữ điệu đọc từng đoạn của bạn và góp ý, nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> Xác định được thể thơ tự do, có phần khó đọc. Đọc đúng ngữ điệu bài thơ.
<p>2. Tìm hiểu nghĩa của từ ngữ khó</p> <ul style="list-style-type: none"> Cho HS tìm hiểu: Các từ ngữ nêu tên địa danh. Các từ ngữ khác: <i>gậy thần tiên, đạo sĩ, phù sa,...</i> 	<ul style="list-style-type: none"> HS quan sát chú thích chân trang 114. HS giải thích nghĩa của từ ngữ. 	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu được nghĩa của từ ngữ gọi tên địa danh. Hiểu được nghĩa của các từ ngữ khó.

HOẠT ĐỘNG 3: Khám phá văn bản

Mục tiêu: Nhận biết được tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể là nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh,...

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>1. Tìm hiểu nhan đề bài thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> Cho HS làm việc nhóm đôi. Hướng dẫn HS phân tích từ ngữ trong nhan đề để hiểu ý nghĩa của nhan đề bài thơ. Nhận xét, thống nhất nội dung. 	<ul style="list-style-type: none"> HS đọc câu hỏi 1, SGK tr.121. HS trao đổi nhóm đôi và nêu ý kiến về: Nét đặc biệt trong nhan đề. Ấn tượng, cảm xúc gợi lên từ nhan đề đó. 	<ul style="list-style-type: none"> Phân tích được các từ ngữ trong nhan đề: Tên bài thơ là tên đoạn sông Mê Kông chảy trên lãnh thổ Việt Nam – Cửu Long Giang – như một cách để giới hạn phần lãnh thổ Việt Nam, biểu thị tình yêu, niềm tự hào về quê hương đất nước. “Ta”: gợi sự thân thiết, ý thức sở hữu.

2. Tìm hiểu đoạn 1: “Ngày xưa ta đi học...”

- Hướng dẫn HS tìm hiểu khung cảnh lớp học, tấm bản đồ rục rờ và ước mơ của cậu học trò.
- Cho HS tìm hiểu tấm bản đồ trong cảm nhận của cậu học trò.
- Hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh tấm bản đồ.

3. Tìm hiểu vẻ đẹp của dòng Mê Kông

- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm ra những vẻ đẹp khác nhau của sông Mê Kông.
- Cho các nhóm trình bày và thống nhất ý kiến.

- Đọc thầm đoạn thơ 1.
- HS suy nghĩ, tìm chi tiết về:
 - + Hình ảnh lớp học.
 - + Hình ảnh tấm bản đồ.
- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: *Nhìn vào tấm bản đồ trong bài giảng của thầy giáo, cậu bé cảm nhận được điều gì?*
- HS suy nghĩ và trả lời.

- HS đọc đoạn thơ: *Mê Kông chảy... lòng dừa trĩu quả.*
- HS thảo luận nhóm đôi:
 - + Tìm chi tiết miêu tả những vẻ đẹp khác nhau của dòng Mê Kông.
 - + Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng.
- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, góp ý.

→ Nhan đề như tiếng gọi tha thiết, thể hiện tình yêu với từng tấc đất của cha ông.

- Tìm được các câu thơ:
 - + Về khung cảnh lớp học.
 - + Về tấm bản đồ: *Mắt ngừng lên trông bản đồ rục rờ/ Bản đồ mới tưởng vôi cũng mới.*
- Tấm bản đồ trong bài giảng của thầy trở nên đẹp để lạ thường (so sánh: *như đồng hoa,...*), như mở ra không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say (*Tim đập mạnh hồn ngây sao không hiểu*). Cậu bé ước mơ được ngắm nhìn sông núi tuyệt vời của Tổ quốc. Hình ảnh thầy giáo vụt trở nên diệu kì, như có phép lạ nâng cánh ước mơ của học trò.
- Chỉ ra được hình ảnh tấm bản đồ rục rờ tượng trưng cho Tổ quốc thiêng liêng, tươi đẹp.
- Trình bày được:
 - + Những vẻ đẹp khác nhau của sông Mê Kông trong dòng chảy của nó:
 - Dữ dội, hùng vĩ (đoạn giáp biên giới Lào).
 - Mênh mang, chan hòa (đoạn đổ ra đồng bằng).
 - Trù phú, êm đềm (đoạn chảy vào Nam Bộ).
 - + Biện pháp nghệ thuật: nhân hoá, điệp ngữ, điệp kiểu câu.

4. Tìm hiểu hình ảnh người nông dân Nam Bộ

- Hướng dẫn HS tìm chi tiết khắc hoạ hình ảnh người nông dân Nam Bộ.
- Yêu cầu HS phân tích chi tiết, hình ảnh thơ, biện pháp nghệ thuật để thấy rõ vẻ đẹp của người dân Nam Bộ.

5. Cảm nhận về tình yêu với dòng sông, với quê hương đất nước của tác giả

- Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 6, SGK tr.122.
- Nhận xét và thống nhất nội dung.

- Đọc đoạn thơ: *Mê Kông quận đê... không bao giờ chia cắt.*
- HS tìm chi tiết.
- HS suy nghĩ và phát biểu ý kiến:
- + Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- + Gọi tên vẻ đẹp phẩm chất của người dân Nam Bộ.

- Đọc thầm toàn bộ VB.
- HS thảo luận nhóm và hoàn thành *Phiếu học tập*.
- Đại diện nhóm trình bày ý kiến, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Thể hiện vẻ đẹp biến hoá của sông Mê Kông qua mỗi vùng địa hình khác nhau.
- Tìm được các chi tiết khắc hoạ hình ảnh người dân Nam Bộ như: *gối đất nằm sương/ Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa/ Thành những tên dọc lên nước mắt đều muốn ứa,...*
- Phân tích được cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh gợi cảm (chín nhánh sông vàng), biện pháp nghệ thuật (thành ngữ, liệt kê, hoán dụ).
- Gọi tên được vẻ đẹp của người dân Nam Bộ: *gắn bó máu thịt với quê hương; cần cù, vượt qua gian khổ, cực nhọc để gây dựng, mở mang những miền đất mới; biết đoàn kết để giữ gìn đất đai sông núi.*
- Liệt kê được các dòng thơ:
- + *Mười tuổi thơ... -* thuở học trò.
- + *Ta đi bản đờ không nhìn nữa* - khi lớn khôn.
- + *Ta đã lớn... -* khi trưởng thành.
- Nhận xét được: Theo năm tháng, nhận thức về dòng sông thay đổi (*hiểu biết về địa hình - hiểu dòng sông gắn bó với cuộc sống con người - hiểu dòng sông với bề dày lịch sử,...*).

PHIẾU HỌC TẬP		
1. Liệt kê các dòng thơ thể hiện từng chặng đường đời của nhân vật trữ tình.	– Trình bày được tình cảm của tác giả với dòng sông, với quê hương đất nước lớn dần và sâu sắc hơn theo năm tháng; từ sự tưởng tượng kì diệu qua bài giảng của thầy đến những hiểu biết, trải nghiệm về địa hình, thiên nhiên, cuộc sống con người gắn bó với dòng sông, cuối cùng là những cảm nhận sâu sắc về truyền thống cha ông, truyền thống lịch sử.
2. Nhận xét sự thay đổi trong nhận thức của nhân vật về dòng sông.	
3. Trình bày cảm nhận về tình cảm của tác giả với dòng sông, với quê hương đất nước.	
6. Cảm nhận về một hình ảnh yêu thích trong bài thơ – Hướng dẫn HS tìm những hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi. – Hướng dẫn HS cảm nhận một hình ảnh ẩn tượng. – Cho HS chia sẻ trong nhóm và chia sẻ trước lớp.	– HS tìm hình ảnh thơ. – HS chia sẻ trong nhóm về một hình ảnh thơ yêu thích của mình. – Một số HS chia sẻ trước lớp. Các HS khác lắng nghe và nhận xét, góp ý.	– Tìm được nhiều hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi như: <i>Tấm bản đồ rục rở; Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi vầng; Nông dân Nam Bộ gối đất nằm sương;...</i> – Chia sẻ được hình ảnh thơ yêu thích và lí giải được lí do yêu thích (<i>dựa vào nội dung và giá trị biểu đạt của hình ảnh thơ</i>).